

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8-HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2026/DS-ST

Ngày: 10/6/2026

“V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản, yêu cầu
Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thành Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thuý, ông Đinh Ngọc Phú

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8-Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà, Thông báo mở lại phiên toà giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị X, sinh năm: 1963. CCCD số: 030163001741 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 15/02/2022. HKTT và cư trú: Thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên. Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Đào Thị Thanh T, sinh năm 1998. CCCD số 030198003255 do Bộ C2 cấp ngày 14/7/2024. Địa chỉ: Số C T, phường H, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1956. CCCD số: 030156001114 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 30/03/2021. HKTT: Thôn N, xã G, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ hiện nay: Xóm B, thôn A, xã H, thành phố Hải Phòng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

3.1. Bà Vũ Thị V, sinh năm: 1952. CCCD số: 030152013438 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 20/08/2021. HKTT và cư trú: TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng.

3.2. Bà Hồ Thị N, sinh năm: 1965. CCCD số: 030165017646 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 10/6/2025. HKTT và cư trú: TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng.

3.3. Chị Vũ Thị T1, sinh năm: 1993. CCCD số: 030193009644 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 12/12/2022. HKTT và cư trú: TDP T, phường T, thành phố Hải Phòng.

3.4. Bà Vũ Thị N1, sinh năm: 1970. CCCD số: 030170007740 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 25/04/2021. HKTT và cư trú: Thôn L, xã G, thành phố Hải Phòng.

3.5. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm: 1972. CCCD số: 030172003104 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 20/08/2021. HKTT và cư trú: TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng.

3.6. Anh Vũ Mạnh T2, sinh năm: 1996. CCCD số: 030096001779 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 11/08/2021. HKTT và cư trú: TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng.

3.7. Chị Vũ Thị Kim L, sinh năm: 2004. CCCD số: 030304004550 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 11/08/2021. HKTT và cư trú: TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng.

3.8. Anh Vũ Văn L1, sinh năm: 2010. CCCD số: 030210010074 do Bộ C2 cấp ngày 02/4/2025. HKTT và cư trú: TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng.

Đại diện hợp pháp của anh Vũ Văn L1 là bà Nguyễn Thị N2.

3.9. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm: 1976. Nơi cư trú cuối cùng trước khi ra nước ngoài: TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang sinh sống tại Đảo H, Trung Quốc

Đại diện theo uỷ quyền của bà Vũ Thị V, bà Hồ Thị N, bà Vũ Thị T1, bà Vũ Thị N1, bà Nguyễn Thị N2, anh Vũ Mạnh T2, chị Vũ Thị Kim L, anh Vũ Văn L1 là ông Nguyễn Tổng Trung D, sinh năm 2003. CCCD số 030203002374 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/5/2023. Địa chỉ: 3 phường H, thành phố Hải Phòng.

3.10. Ông Chủ tịch UBND phường T, thành phố Hải Phòng. Đại diện theo uỷ quyền của ông Chủ tịch UBND phường T: Ông Vũ Đức Q - Phó chủ tịch UBND phường.

Tại phiên tòa có mặt bà X, bà H, bà T; ông D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Q vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị X và đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bố mẹ đẻ bà là cụ Vũ Văn H1 (sinh năm 1927, chết năm 2010) và cụ Nguyễn Thị G (sinh năm 1930, chết năm 2010). Cụ H1 và cụ G chung sống, sinh được 08 (tám) người con chung, gồm: Ông Vũ Văn T3, bà Vũ Thị V, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị X, ông Vũ Văn K, bà Vũ Thị N1; ông Vũ Văn T4, ông Vũ Văn B. Bố mẹ đẻ cụ H1 là cụ Vũ Văn P (chết năm 1945), cụ Hồ Thị Đ (chết năm 1992); bố mẹ đẻ cụ G là cụ Nguyễn Văn N3 (chết năm 1940), và cụ Lê Thị C (chết năm 1945). Ngoài những người con chung nêu trên, cụ H1 và cụ G không có con riêng, con nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi nào khác. Trong số đó, có ông

Vũ Văn T3, là liệt sỹ hi sinh năm 1973, không có vợ con; ông Vũ Văn K (chết năm 2011), có vợ là bà Hồ Thị N và có 01 con chung là chị Vũ Thị T1; ông Vũ Văn T4 (chết năm 2018), có vợ là bà Nguyễn Thị N2 và 03 người con là anh Vũ Mạnh T2, chị Vũ Thị Kim L và anh Vũ Văn L1; ông Vũ Văn B (chết năm 2023 theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 09/2025/QĐST-VDS ngày 26/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Hải Dương), có vợ là bà Nguyễn Thị Ú (hiện nay đang sinh sống tại Đảo H, Trung Quốc), ông B và bà Ú không có con chung.

Quá trình chung sống bố mẹ bà tạo lập được khối tài sản chung gồm quyền sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01, diện tích 654 m², tại địa chỉ: xã G, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0081394, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1010QSDĐ/GX-TL do Ủy ban nhân dân tỉnh H cấp ngày 13/7/1994, đứng tên chủ đất là cụ Vũ Văn H1. Hiện nay, diện tích đất nêu trên đã được tách thành 02 thửa gồm: Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 19, diện tích 352 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 313754, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00001 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 26/12/2017 đứng tên bà Vũ Thị H (là người đại diện cho ông Vũ Văn B) và thửa đất số 152, tờ bản đồ số 19, diện tích 302 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 267285, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 001113 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 18/11/2019 đứng tên đại diện bà Nguyễn Thị N2 (vợ của ông Vũ Văn T4).

Cụ H1 và cụ G chết không để lại di chúc, tuy nhiên, đối với thửa đất số 152 đã được cụ Vũ Văn H1 và cụ Nguyễn Thị G giao cho người con thứ bảy là ông Vũ Văn Thanh quản L2, sử dụng để chăm lo cho hai cụ khi về già và hương khói thờ cúng tổ tiên. Hiện nay, ông T4 đã chết, bà Nguyễn Thị N2 quản lý sử dụng hợp pháp. Bà X không có tranh chấp gì đối với thửa đất này. Ngày 09/10/2017, bà Vũ Thị H và các đồng thừa kế khác đã tự ý lập Văn bản họp gia đình có nội dung phân chia di sản thừa kế liên quan tới thửa đất số 151 và cử bà Vũ Thị H đứng ra đại diện quản lý thửa đất số 151 phân chia cho ông Vũ Văn B sử dụng. Thời điểm lập văn bản họp gia đình bà X không biết, không có mặt do lúc đó đang sinh sống và làm việc tại Trung Quốc. Ông Vũ Văn B cũng đã đi biệt tích khỏi địa phương. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm nghiêm trọng, bà đề nghị toà án Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 313754, vào sổ cấp GCN số CH 00001, do UBND huyện G cấp ngày cấp ngày 26/12/2017 cho bà Vũ Thị H (là người đại diện cho ông Vũ Văn B) theo biên bản họp gia đình lập ngày 09/10/2017) và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà bị đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Bà nhất trí với trình bày của bà X về hàng thừa kế và nguồn gốc di sản

thừa kế. Theo truyền thống và phong tục địa phương thì đất do cha mẹ để lại được chia cho các con trai để tiện trông nom cha mẹ và thờ cúng tổ tiên. Do ông Vũ Văn B bỏ đi biệt tích đã lâu nên bà đã đứng đại diện thay mặt ông B để đi làm các thủ tục kê khai, quản lý sử dụng thửa đất số 151, TĐĐ 19. Thời điểm kê khai thì bà X cũng vắng mặt không có nhà. Ngày 26/12/2017 Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 313754, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00001 đứng tên bà Vũ Thị H (là người đại diện cho ông Vũ Văn B). Trên thửa đất bà đang sử dụng có 01 căn nhà cấp 4, diện tích khoảng hơn 20 m², 01 móng nhà đều do ông B xây dựng đã cũ nát không còn giá trị sử dụng. Ngoài ra, khi còn sống, cụ H1 và cụ G đã giao cho ông Vũ Văn T4 một nửa thửa đất nay là thửa 152. Hiện nay, thửa đất này do bà Nguyễn Thị N2 là vợ ông T4 quản lý sử dụng hợp pháp và bà không có ý kiến và tranh chấp gì đối với thửa đất này. Nay bà X yêu cầu Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu phân chia di sản thừa kế bà nhất trí, phần di sản mà bà được hưởng tự nguyện tặng cho lại anh Vũ Mạnh T2 là con của ông Vũ Văn T4 và tự nguyện không yêu cầu anh T2 phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ về tài sản nào.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm bà Vũ Thị N1, Vũ Thị V và những người thuộc hàng thừa kế chuyển tiếp của ông Vũ Văn T4, ông Vũ Văn K thống nhất trình bày:

Về hàng thừa kế và nguồn gốc di sản thừa kế như bà X trình trình bày là hoàn toàn đúng. Đối với thửa 152, TĐĐ 19, bà Nguyễn Thị N2 là vợ của ông Vũ Văn Thanh quản L2 sử dụng các đương sự không có ý kiến gì; thửa 151 do bà H đứng tên đại diện chưa được chia di sản thừa kế. Phần di sản thừa kế mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được hưởng tự nguyện tặng cho lại anh Vũ Mạnh T2 là con của ông Vũ Văn T4 và không yêu cầu anh T2 phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ về tài sản nào.

Tại biên bản lấy lời khai và Biên bản làm việc bà Nguyễn Thị Ú trình bày: Bà và ông Vũ Văn B kết hôn năm 1996, nhưng không có con chung. Quá trình chung sống do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà đã không ở cùng ông B. Sau đó bà bị người xấu lợi dụng đưa vượt biên sang Trung Quốc. Hiện nay bà đang sinh sống tại Đảo H- Trung Quốc và đã có gia đình riêng. Tuy nhiên do không còn giấy tờ cá nhân nên bà không thể làm các thủ tục về nước hợp pháp được mà chỉ có thể liên hệ với gia đình qua điện thoại. Bà đã được thông báo về việc gia đình đã làm thủ tục tuyên bố ông Vũ Văn B đã chết tại Tòa án. Bà nhất trí không có ý kiến gì vì bản thân bà cũng không có tin tức gì của ông B. Bà cũng biết được bà thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B, phần di sản thừa kế bà được hưởng từ ông B thì sẽ tự nguyện cho lại anh Vũ Mạnh T2 và không yêu cầu anh T2 phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ về tài sản nào. Các văn bản của Tòa án gửi cho bà đề nghị gửi qua chị Đỗ Lan A (vợ anh T2, CCCD số: 030196009591 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 13/08/2021), bà xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại tòa án.

Xác minh tại khu dân cư nơi các đương sự sinh sống thể hiện:

Cụ Vũ Văn H1 (sinh năm 1927, chết năm 2010) và cụ Nguyễn Thị G (sinh năm 1930 chết năm 2010). Cụ H1 và cụ G chung sống, sinh được 08 (tám) người con chung, gồm: Ông Vũ Văn T3; bà Vũ Thị V, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị X; ông Vũ Văn K; bà Vũ Thị N1; ông Vũ Văn T4, ông Vũ Văn B. Bố mẹ đẻ cụ H1 và cụ G chết trước hai cụ. Ngoài những người con chung nêu trên, cụ H1 và cụ G không có con riêng, con nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi nào khác. Trong số đó, có ông Vũ Văn T3, là liệt sỹ hi sinh năm 1973, không có vợ con; ông Vũ Văn K (đã chết năm 2011), có vợ là bà Hồ Thị N và có 01 con chung là bà Vũ Thị T1; ông Vũ Văn T4 (đã chết năm 2018), có vợ là bà Nguyễn Thị N2 và 03 người con là anh Vũ Mạnh T2, chị Vũ Thị Kim L và anh Vũ Văn L1; ông Vũ Văn B (đã chết năm 2023 theo Quyết định của Toà án nhân dân thành phố Hải Dương), có vợ là bà Nguyễn Thị Ú (hiện nay đang sinh sống tại Đảo H, Trung Quốc), ông B và bà Ú không có con chung.

Trong quá trình chung sống các cụ tạo lập được khối tài sản chung gồm các thửa đất thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 01, diện tích 654 m², tại địa chỉ: Xã G, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng). Thửa đất trên hiện được tách thành thửa 152 do bà Nguyễn Thị N2 vợ ông Vũ Văn Thanh quản L2 sử dụng và thửa 151 do bà Vũ Thị H đứng tên đại diện thay cho ông Vũ Văn B. Hiện gia đình làm các thủ tục chia di sản thừa kế đối với thửa đất 151, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND phường T thể hiện:

Căn cứ bản đồ địa chính xã G năm 1986, phần đất tranh chấp nằm trong thửa số 101, tờ bản đồ 8, diện tích 1059,0m² loại đất thổ cư (T), chủ sử dụng đất trong sổ mục kê là ông Vũ Văn H1. Năm 1991, phần đất tranh chấp nằm trong thửa 134, diện tích 654,0m² đất thổ cư (T) chủ sử dụng trong sổ mục kê tên ông H1. Đến năm 2008 tại tờ bản đồ địa chính xã G thể hiện: Thửa 151 diện tích 434m², chủ sử dụng ông Vũ Văn B; Thửa 152 diện tích 297m² chủ sử dụng ông Vũ Văn T4. Năm 2017, bà Vũ Thị H (là người đại diện cho ông Vũ Văn B theo biên bản họp gia đình lập ngày 09/10/2017) được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 313754, vào sổ cấp GCN số CH 00001, cấp ngày 26/12/2017, thửa đất số 151 tờ bản đồ 19 diện tích 352,0m² đất ở tại nông thôn; nguồn gốc sử dụng: công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo biên bản họp gia đình lập ngày 09/10/2017. Hiện trạng sử dụng đất thực tế tăng thêm 32,8m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là gia đình sử dụng phần ngõ trước đây đã cắt ra làm lối đi chung ở phía Đông; lấn phần rãnh phía Tây nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do dịch chuyển mốc giới với các hộ giáp ranh; còn lại diện tích tăng thêm là do sai số đo đạc.

Quan điểm của Chủ tịch UBND phường T đối với yêu cầu Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của đương sự:

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Vũ Thị H (là người đại diện cho ông Vũ Văn B theo biên bản họp gia đình lập ngày 09/10/2017, hiện tại U. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL 313754, vào sổ cấp GCN số CH 00001, do UBND huyện G cấp ngày cấp ngày 26/12/2017 cho bà Vũ Thị H (là người đại diện cho ông Vũ Văn B theo biên bản họp gia đình lập ngày 09/10/2017) có giá trị pháp lý. Việc bà Vũ Thị X đề nghị huỷ Giấy chứng nhận trên, UBND phường đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định.

Tại công văn phúc đáp của Chi nhánh văn phòng Đ1 thể hiện:

Văn phòng Đ1 chi nhánh H3 đã tiến hành kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh cho thấy thửa đất số 151, tờ bản đồ số 19, diện tích: 352,0 m², địa chỉ thửa đất: thôn T, xã G (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) số phát hành CL313754 số vào sổ CH00001 do UBND huyện G cấp ngày 26/12/2017 đứng tên bà Vũ Thị H là đại diện cho ông Vũ Văn B được UBND huyện G cấp và được lưu trữ tại UBND huyện G. Năm 2019 xã G được sát nhập về thành phố H, trong Biên bản bàn giao giữa UBND huyện G và Chi nhánh văn phòng Đ1 không nhận được hồ sơ cấp giấy của bà H nên Chi nhánh Văn phòng Đ1 không có hồ sơ để cung cấp thông tin về việc cấp giấy chứng nhận theo Công văn của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng.

Tại công văn phúc đáp của Chi nhánh văn phòng Đ1 thể hiện:

Thực hiện việc sáp nhập toàn bộ xã G vào thành phố H. Năm 2019 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện G (nay là Chi nhánh văn phòng Đ1) đã tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu xã G (bao gồm cả hồ sơ tài liệu liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân và hồ sơ giao dịch bảo đảm của 2 xã qua các thời kỳ) cho UBND Thành phố H. Sau khi rà soát lại hồ sơ, tài liệu về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 cho thấy không còn lưu trữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ giao dịch bảo đảm và các tài liệu liên quan đến công tác quản lý đất đai của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 313754 số vào sổ CH 00001 cấp ngày 26/11/2017 tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 19.

Kết quả xem xét, thẩm định, định giá tài sản:

- Về đất: Giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 151, TĐĐ 19. Địa chỉ: TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng có giá 15.000.000đ/1m².

- Về tài sản trên đất: Gồm 01 nhà cấp 4 xây tường 10 gạch chỉ, lợp proximang xây dựng năm 1998; 01 móng nhà xây dựng năm 1998; 01 chuồng chó xây gạch mái proximang, 01 đoạn tường bao; 01 tường ngăn do đã xây dựng

từ lâu, cũ nát và không còn giá trị sử dụng nên các đương sự không yêu cầu định giá; các cây trồng trên đất không yêu cầu định giá.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế đối với thửa đất 151 đứng tên bà Vũ Thị H đại diện cho ông Vũ Văn B, bị đơn nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự đều thống nhất phần di sản của mình được hưởng tặng cho lại anh Vũ Mạnh T2 và tự nguyện không yêu cầu anh T2 phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào; không yêu cầu trích trả công sức quản lý, duy trì, tôn tạo di sản đồng thời tự nguyện tháo dỡ các công trình đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa đề nghị Toà án tạm ngừng phiên tòa và xác minh, thu thập chứng cứ để làm rõ bà Ú bỏ đi Trung Quốc từ thời điểm nào; ông B có công sức gì đối với các tài sản trên thửa đất 151 không; thu thập về các tài liệu xác định tại sao đến năm 2008 thửa của cụ H1 lại được tách làm hai thửa 151 và 152.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Bị đơn bà Vũ Thị H đang cư trú tại xã H, thành phố Hải Phòng. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Ú hiện đang sinh sống tại Đảo H, Trung Quốc nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua người thân đồng thời cũng niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của bà Ú. Trong quá trình giải quyết, bà Ú đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt nhưng đã có ủy quyền hợp lệ. Căn cứ khoản 2 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt những trên.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để làm rõ một số nội dung liên quan, tuy nhiên trong quá trình giải quyết Toà án cũng đã xác minh thu thập chứng cứ tại Chi nhánh văn phòng Đ1, Chi nhánh văn phòng Đ1, UBND phường T đều không còn bất kỳ tài liệu thể hiện việc năm 2008 cụ H1 tách thửa cho các con cũng như hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp. Tại phiên tòa đã làm rõ, sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị Ú chỉ chung sống với ông Vũ Văn B vài tháng sau đó bỏ đi Trung Quốc từ năm 1997, không có công sức đóng góp gì đối với gia đình ông B. Tài sản do ông B xây dựng trên thửa đất 151 đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên các đương sự không yêu cầu toà án giải quyết và tự nguyện tháo dỡ.

Từ những phân tích trên, HĐXX quyết định không tạm ngừng phiên toà và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Xét yêu cầu của bà Vũ Thị X đề nghị Hủy giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL313754, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00001 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 26/12/2017 đứng tên bà Vũ Thị H (đại diện thay cho ông Vũ Văn B).

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà các đương sự đều thống nhất trình bày thời điểm kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, bà Vũ Thị X (là hàng thừa kế thứ nhất của cụ H1 và cụ G) không có mặt tại địa phương, bà X không tham gia và ký kết vào biên bản họp gia đình lập ngày 09/10/2017. Ông Vũ Văn B đã biệt tích tại địa phương từ năm 2017 đến nay không có tin tức. Việc những người thuộc hàng thừa kế của cụ H1 và cụ G tự lý lập biên bản họp gia đình để bà H đã tự ký đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đứng tên đại diện cho ông Vũ Văn B, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người vắng mặt còn lại (bà X và ông B). Như vậy, trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên không đảm bảo. Kết quả xác minh tại các cơ quan có thẩm quyền đều không còn lưu giữ được hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 6 Điều 11, Điều 15 Bộ luật dân sự, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà X Hủy giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL313754, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00001 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 26/12/2017 đứng tên bà Vũ Thị H (đại diện thay cho ông Vũ Văn B); trở về nguồn gốc đất ban đầu của cụ H1 và cụ G để phân chia di sản thừa kế của hai cụ theo quy định pháp luật.

[2.2]. Về yêu cầu chia di sản thừa kế.

[2.2.1]. Về thời hiệu chia di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế:

- Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn H2 chết ngày 01/03/2010, cụ Nguyễn Thị G chết ngày 02/02/2010 tính đến thời điểm khởi kiện trên 15 năm nên yêu cầu chia di sản thừa kế của bà X vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về xác định thời điểm mở thừa kế: Thời điểm mở thừa kế của cụ H2 là ngày 01/03/2010, thời điểm mở thừa kế của cụ G là ngày 02/02/2010.- Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H2, cụ G tại thời điểm mở thừa kế gồm: Bà Vũ Thị V, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị X, Bà Vũ Thị N1; ông Vũ Văn T4, ông Vũ Văn K, ông Vũ Văn B (do ông Vũ Văn T3 là liệt sỹ đã hi sinh năm 1973, đã chết trước hai cụ, không có vợ con). Ông Vũ Văn K (chết năm 2011) vợ và con của ông K là bà Hồ Thị N và chị Vũ Thị T1 được hưởng phần di sản thừa kế của ông K. Ông Vũ Văn T4 (chết năm 2018), vợ và con của ông T4 là bà Nguyễn

Thị N2; anh Vũ Mạnh T2, chị Vũ Thị Kim L và anh Vũ Văn L1 được hưởng di sản thừa kế của ông T4. Ông Vũ Văn B (chết năm 2023), vợ ông B là bà Nguyễn Thị Ú được hưởng di sản thừa kế của ông B.

[2.2.2]. Về di sản thừa kế để phân chia: Di sản của cụ H2 và cụ G là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 19, diện tích 352 m², tại địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng. Các công trình trên đất đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng và cây trồng trên đất các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết. Tổng giá trị di sản cụ Vũ Văn H1 và cụ Nguyễn Thị G để lại là: 352 m² x 15.000.000đ/1m²= 5.280.000.000 đồng.

[2.3]. Về phân chia di sản:

Di sản thừa kế của cụ H1 và cụ G được chia thành 7 phần: Bà Vũ Thị V; bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị X; ông Vũ Văn K; bà Vũ Thị N1; ông Vũ Văn T4; ông Vũ Văn B (*do ông Vũ Văn T3 là liệt sỹ đã hi sinh năm 1973, đã chết trước hai cụ, không có vợ con*); Ông K, ông T4, ông B đều chết sau hai cụ nên vợ và con của ông K, ông T4, ông B hưởng phần thừa kế của các ông. Như vậy bà V, bà H, bà X, bà N1 mỗi người được một kỷ phần thừa kế là 754.285.714 đồng; bà N, chị T1 mỗi người được hưởng 377.142.857 đồng; bà N1, anh T2, chị L, anh L1 mỗi người được hưởng 188.571.428 đồng; bà Ú được hưởng 754.285.714 đồng. Các đồng thừa kế thống nhất thỏa thuận tự nguyện tặng cho phần di sản của mình được hưởng cho anh Vũ Mạnh T2 và không yêu cầu anh T2 phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ gì nên HĐXX giao anh Vũ Mạnh T2 được toàn quyền quản lý sử dụng thửa đất số 151, tờ bản đồ số 19, diện tích 352 m², tại địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng) giới hạn bởi các điểm B1, B2, A10, A11, A12, A13, A14, A15, A16, A17.

Về tài sản trên đất: Gồm 01 nhà cấp 4 xây tường 10 gạch chỉ, lợp proximang xây dựng năm 1998; 01 móng nhà xây dựng năm 1998; 01 chuồng chó xây gạch mái proximang, 01 đoạn tường bao; 01 tường ngăn do đã xây dựng từ lâu, cũ nát và không còn giá trị sử dụng cùng cây trồng trên đất các đương sự không yêu cầu phân chia nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà X tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản nên không phải giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị X, bà Vũ Thị V, bà Hồ Thị N, anh Vũ Văn L1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản mà mình được hưởng 9.428.571 đồng; anh T2 tự nguyện chịu thay án phí phần di sản các đồng thừa kế khác tặng cho (*án phí bà Vũ Thị N1 phải chịu: 34.171.428 đồng, án phí bà Nguyễn Thị Ú phải chịu: 34.171.428 đồng; án phí chị Vũ Thị T1 phải chịu 18.857.142 đồng; án phí bà Nguyễn Thị N2, chị Vũ*

Thị Kim L mỗi người phải chịu 9.428.571 đồng). Tổng án phí anh T2 phải chịu là 115.485.711 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 34, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị X, tuyên huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 313754, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00001 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 26/12/2017 đứng tên bà Vũ Thị H (là người đại diện cho ông Vũ Văn B).

2. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Vũ Thị X.

2.1. Xác định di sản của cụ Vũ Văn H1 và cụ G là thửa đất số 151, tờ bản đồ số 19, diện tích 352 m², tại địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị di sản là 5.280.000.000 đồng.

2.2. Về phân chia di sản: Bà Vũ Thị V, Vũ Thị H, bà Vũ Thị X, bà Vũ Thị N1 mỗi người được hưởng phần di sản trị giá 754.285.714 đồng; Bà Hồ Thị N, chị Vũ Thị T1 mỗi người được hưởng phần di sản trị giá 377.142.857 đồng; Bà Nguyễn Thị N2, anh Vũ Mạnh T2, chị Vũ Kim L, anh Vũ Văn L1 mỗi người được hưởng phần di sản trị giá 188.571.428 đồng, bà Ú được hưởng phần di sản trị giá 754.285.714 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự tặng cho toàn bộ phần di sản mà mình được hưởng cho anh Vũ Mạnh T2 và không yêu cầu anh T2 phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào. Anh T2 được hưởng toàn bộ di sản là 5.280.000.000 đồng.

2.3. Về giao hiện vật: Giao anh Vũ Mạnh T2 được toàn quyền quản lý sử dụng thửa đất số 151, tờ bản đồ số 19, diện tích 352 m², tại địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là TDP N, phường T, thành phố Hải Phòng giới hạn bởi các điểm B1, B2, A10, A11, A12, A13, A14, A15, A16, A17 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, đồng thời tháo dỡ các công trình đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng.

Đối với phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạm giao cho anh Vũ Mạnh T2 quản lý sử dụng, trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh T2 liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục trên.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị H, Vũ Thị X, bà Vũ Thị V, bà Hồ Thị N, anh Vũ Văn L1.

Anh Vũ Mạnh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 115.485.711 đồng (làm tròn 115.486.000 đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, riêng bà Nguyễn Thị Ú được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8- Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 8-Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Hưng

